

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

CHÍNH THỨC

24 - 4 - 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ I NĂM 2013**

TỪ NGÀY 01/01/2013 ĐẾN NGÀY 31/3/2013

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013***MẪU SỐ B01a-DN***Đơn vị tính : VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		11.727.679.106.543	10.957.605.189.780
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	1.599.413.912.040	1.224.462.285.364
1. Tiền	111		749.413.912.040	824.462.285.364
2. Các khoản tương đương tiền	112		850.000.000.000	400.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	3.926.641.975.882	3.909.275.954.492
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.063.170.331.922	4.039.304.630.112
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(136.528.356.040)	(130.028.675.620)
III. Các khoản phải thu	130		2.295.964.710.357	2.238.818.141.954
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	1.187.990.507.686	1.274.574.429.461
2. Trả trước cho người bán	132		724.874.655.030	550.939.005.745
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.4	388.798.743.804	417.136.879.198
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	VI.5	(5.699.196.163)	(3.832.172.450)
IV. Hàng tồn kho	140		3.658.957.191.661	3.357.506.580.186
1. Hàng tồn kho	141	VI.6	3.663.338.724.025	3.360.961.745.571
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	VI.7	(4.381.532.364)	(3.455.165.385)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		246.701.316.603	227.542.227.784
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	92.939.460.993	70.612.136.982
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		152.511.340.917	154.117.902.324
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.250.514.693	2.812.188.478

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013***MẪU SỐ B01a-DN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		8.795.147.347.082	8.825.031.622.819
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.596.775.984.749	7.446.795.167.863
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	4.040.773.688.394	3.748.756.576.222
- Nguyên giá	222		6.250.552.506.497	5.844.850.660.156
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.209.778.818.103)	(2.096.094.083.934)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	207.817.873.127	207.666.924.724
- Nguyên giá	228		310.854.741.760	309.274.097.560
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(103.036.868.633)	(101.607.172.836)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	3.348.184.423.228	3.490.371.666.917
III. Bất động sản đầu tư	240	VI.11	68.236.014.476	69.225.239.090
- Nguyên giá	241		90.177.337.460	90.177.337.460
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(21.941.322.984)	(20.952.098.370)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.018.801.789.054	1.182.017.661.007
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.13	873.800.000.000	1.078.318.014.080
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.14	207.257.684.826	214.466.955.551
3. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.15	78.503.484.679	80.840.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	VI.16	(140.759.380.451)	(191.607.308.624)
V. Tài sản dài hạn khác	260		111.333.558.803	126.993.554.859
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.17	14.669.067.221	17.915.187.787
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		95.588.071.582	108.001.947.072
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.076.420.000	1.076.420.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		20.522.826.453.625	19.782.636.812.599

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013***MẪU SỐ B01a-DN***Đơn vị tính : VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.756.584.906.918	4.388.182.540.872
I. Nợ ngắn hạn	310		3.697.276.260.253	4.328.837.208.960
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.18	-	-
2. Phải trả người bán	312	VI.19	2.010.790.332.549	2.442.335.842.075
3. Người mua trả tiền trước	313		19.577.811.278	21.589.364.414
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.20	410.498.748.518	331.870.328.102
5. Phải trả người lao động	315		75.536.925.953	100.460.928.431
6. Chi phí phải trả	316	VI.21	317.231.611.633	364.013.161.247
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.22	672.448.032.746	662.625.268.582
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.23	191.192.797.576	405.942.316.109
II. Nợ dài hạn	330		59.308.646.665	59.345.331.912
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc làm	336	VI.24	59.206.263.000	59.325.269.500
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		102.383.665	20.062.412
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	VI.25	16.766.241.546.707	15.394.454.271.727
I. Vốn chủ sở hữu	410		16.766.241.546.707	15.394.454.271.727
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		8.339.557.960.000	8.339.557.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.276.994.100.000	1.276.994.100.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(4.609.454.000)	(4.504.115.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		297.685.912.159	93.889.017.729
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		664.618.278.340	588.402.022.008
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.191.994.750.208	5.100.115.286.990
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		20.522.826.453.625	19.782.636.812.599

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01a-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		21.073.694,06	11.737.838,41
EUR		197.057,10	49.847,54
AUD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm

Giám đốc điều hành
Tài chính


Ngô Thị Thu Trang

Lập ngày 24 tháng 4 năm 2013.



Tổng Giám đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****Quý I năm 2013****MẪU SỐ B02a-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	6.863.710.091.052	6.029.433.088.507
2. Các khoản giảm trừ	03	VII.1	141.000.881.167	108.236.690.257
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	10	VII.1	6.722.709.209.885	5.921.196.398.250
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	4.285.765.492.812	4.132.982.954.883
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		2.436.943.717.073	1.788.213.443.367
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	109.716.758.184	145.095.098.189
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	16.053.716.672	(21.043.763.270)
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	91.392.431
8. Chi phí bán hàng	24	VII.8	568.459.937.576	418.432.223.719
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.8	123.214.952.060	105.146.936.324
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21–22) – (24+25)}	30		1.838.931.868.949	1.430.773.144.783
11. Thu nhập khác	31	VII.5	42.411.461.207	118.121.404.697
12. Chi phí khác	32	VII.6	19.335.843.827	18.645.325.683
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		23.075.617.380	99.476.079.014
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.862.007.486.329	1.530.249.223.797
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		325.268.484.195	273.119.246.969
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		12.413.875.490	(4.178.648.150)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		1.524.325.126.644	1.261.308.624.978
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.7	1.829	1.513

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc điều hành
Tài chính

Lập ngày 24 tháng 4 năm 2013,



Nguyễn Đức Diệu Thor

Lê Thành Liêm

Ngô Thị Thu Trang

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Quý I năm 2013****MẪU SỐ B03a-DN***Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.862.007.486.329	1.530.249.223.797
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	VI.10 VI.11 VI.12	132.790.746.902	104.758.719.928
- (Lãi) / lỗ từ các khoản dự phòng	03		2.294.365.534	(47.717.910.769)
- (Lãi) / lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(10.767.841.818)	8.638.094.816
- (Lãi) / lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(73.763.197.848)	(108.947.624.447)
- Chi phí lãi vay	06	VII.4	-	91.392.431
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.912.561.559.099	1.487.071.895.756
- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	09		(42.565.306.813)	(261.712.782.088)
- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	10		(302.585.168.607)	(617.272.882.699)
- Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(404.620.657.816)	9.603.420.712
- (Tăng) / giảm chi phí trả trước	12		(19.081.203.445)	12.645.173.521
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	VI.20	(263.210.088.891)	(188.614.922.377)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.652.000	299.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(367.061.825.797)	(287.180.312.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		513.439.959.730	154.838.590.604
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(328.082.482.051)	(894.960.655.237)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		8.873.521.252	1.227.913.899
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(50.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.336.515.321	108.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(39.900.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		130.658.883.205	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		69.992.431.349	98.551.863.493
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(136.221.130.924)	(727.080.877.845)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		(105.339.000)	(672.133.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	417.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(105.339.000)	416.327.867.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		377.113.489.806	(155.914.420.241)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.224.462.285.364	3.101.435.901.849
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.161.863.130)	(2.907.589.374)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.599.413.912.040	2.942.613.892.234

Lập ngày 24 tháng 4 năm 2013,

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc điều hành Tài chính	Tổng Giám đốc
			
Nguyễn Đức Diệu Thơ	Lê Thành Liêm	Ngô Thị Thu Trang	Mai Kiều Liên



BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013

(Bảng thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) được ghi nhận như sau:

- + Ngày 29/04/1993 : Công ty Sữa Việt Nam (loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.
- + Ngày 01/10/2003 : Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003 : Công ty đăng ký trở thành một Công ty Cổ phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005 : Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006 : Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.

Trụ sở chính theo giấy phép được đặt tại địa chỉ số 10 đường Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 31/3/2013,

+ Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau

Các chi nhánh bán hàng:

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Số 12 Chi Lăng, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Hùng Vương, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Các nhà máy sản xuất:

- 1/ Nhà máy Sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Nhà máy Sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

3/ Nhà máy Sữa Dielac - Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Đồng Nai.

4/ Nhà máy Sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.

5/ Nhà máy Sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12, TP HCM.

6/ Nhà máy Sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.

7/ Nhà máy Sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.

8/ Nhà máy Nước Giải khát Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.

9/ Nhà máy Sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

10/ Nhà máy Sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, TP Đà Nẵng.

11/ Nhà máy Sữa bột Việt Nam - 9 Đại lộ Tự Do – KCN Việt Nam-Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

12/ Nhà máy Sữa Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.

Kho vận:

1/ Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

2/ Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q. Gia Lâm, Hà Nội.

Phòng khám:

Phòng khám Đa khoa An Khang - 87A CMT8, Quận 1, TP HCM.

+ Công ty có các Công ty con như sau

Công ty con	Hoạt động chính	Phần vốn Công ty nắm giữ
- Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	100%
- Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
- Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Phát triển bất động sản	100%

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, công ty được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
- c. Kinh doanh nhà;
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản;
- e. Kinh doanh kho, bến bãi;
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- g. Bốc xếp hàng hóa;
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
- i. Sản xuất và mua bán bao bì;
- j. In trên bao bì;
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở);
- l. Phòng khám đa khoa;
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt;
- n. Dịch vụ sau thu hoạch;
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/3.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009.
- Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Chế độ Kế toán được áp dụng nhất quán với những Chế độ Kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013.
- Ban Điều Hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn mực Kế toán, Nguyên tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- Báo cáo Tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:
 - + Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
 - + Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bảng xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

- + Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

▪ **Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:**

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

▪ **Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:**

Cuối quý, cuối niên độ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính (theo thông tư 179/2012/TT-BTC).

▪ **Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:**

31/12/2012 : 20.800 VNĐ/USD

31/3/2013 : 20.920 VNĐ/USD

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng).
- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

- Hàng tồn kho nhập khẩu trong kỳ được ghi nhận tăng theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

▪ **TSCĐ hữu hình:**

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

▪ **TSCĐ vô hình:**

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. **Phương pháp khấu hao:**

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6

- Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao $\frac{1}{2}$ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.
- TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 6 năm. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

6. **Bất động sản đầu tư**

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.
- Khấu hao: Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

- Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - + Theo thời gian hữu dụng xác định: Phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà, thuê đất trả trước.
 - + Theo thời gian hữu dụng quy ước: Phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

9. Phải trả người bán và phải trả khác:

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.
- Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu).
- + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
- + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

- Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo những quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:
 - + Quỹ đầu tư phát triển trích 10% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 10% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ dự phòng tài chính trích 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn điều lệ của Công ty).

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:

- Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

- + Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá dùng hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
- Thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên thu nhập chịu thuế, tùy theo nơi đặt của các nhà máy sản xuất.

V. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH:

Các nhân tố rủi ro tài chính :

- Công ty đánh giá những rủi ro sau từ việc sử dụng các công cụ tài chính:
 - Rủi ro thị trường
 - Rủi ro thanh khoản
 - Rủi ro tín dụng
- Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

1. Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro mà Công ty có thể gặp phải trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hoá lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

- Công ty phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối trong các giao dịch mua bán sử dụng đơn vị tiền tệ khác đồng Việt Nam. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này chủ yếu là USD và Euro (các loại tiền tệ khác có giao dịch không trọng yếu).
- Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trong trường hợp cần thiết để giải quyết tình trạng mất cân đối trong ngắn hạn đồng thời lập kế hoạch thanh toán bằng ngoại tệ với mức độ chính xác cao nhất có thể. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt trên rủi ro tiềm tàng của những biến động về tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

- Rủi ro tiền tệ của công ty đối với USD và EUR là như sau :

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	21.073.694,06	197.057,10	440.861.679.735	5.263.592.198
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.583.632,33	-	367.849.588.440	-
	38.657.326,39	197.057,10	808.711.268.175	5.263.592.198
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác	(31.779.402,85)	(11.004.769,66)	(664.825.107.622)	(293.948.402.388)
Mức độ rủi ro tiền tệ	6.877.923,54	(10.807.712,56)	143.886.160.553	(288.684.810.190)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	11.737.838,41	49.847,54	244.147.038.928	1.360.887.689
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.862.851,87	9.151,00	558.747.318.929	249.831.451
	38.600.690,28	58.998,54	802.894.357.857	1.610.719.140
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác	(35.559.706,67)	(12.185.695,36)	(739.641.898.740)	(332.681.669.023)
Mức độ rủi ro tiền tệ	3.040.983,61	(12.126.696,82)	63.252.459.117	(331.070.949.884)

Các tỷ giá quan trọng được áp dụng trong kỳ như sau:

	31/3/2013 VND	31/12/2012 VND
USD	20.920	20.800
EUR	26.711	27.301

- Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, nếu đồng Việt Nam yếu đi/mạnh lên 10% so với đô la Mỹ trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ cao/thấp hơn một khoản là 10.791.462.041VND, chủ yếu do lãi/lỗ ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đô la Mỹ.
- Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, nếu đồng VND yếu đi/mạnh lên 10% so với đồng EUR trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là 21.651.360.764 VND, chủ yếu do lãi/lỗ ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng EUR.

b. Rủi ro giá cả

- Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường.

Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong các năm vừa qua.

- Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá chứng khoán tăng / giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ cao/thấp hơn 9.889.126.740 VND tương ứng với xu hướng thay đổi của giá.

c. Rủi ro lãi suất

Công ty không có rủi ro lãi suất khi tất cả các khoản vay phát hành theo lãi suất cố định.

2. Rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra tổn thất tài chính đối với Công ty nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu của Công ty.

- Phải thu khách hàng và phải thu khác

- Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.
- Ban Điều hành đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.
- Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

- Các khoản đầu tư

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

- Số dư với ngân hàng

- Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.
- Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

a. Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị:

- Tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành tại các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị của Công ty lên đến VND 1.556.325.835.992 (2012: 1.670.122.785.005 VND).

b. Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị:

- Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu.
- Các khoản phải thu quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị bao gồm như sau:

	31/3/2013	31/12/2012
Quá hạn 1 đến 30 ngày	11.401.164.111	13.392.747.256
Quá hạn 31 đến 60 ngày	519.744.489	214.534.274
Quá hạn 61 đến 90 ngày	448.797.584	574.491.413
Quá hạn hơn 90 ngày	663.815.572	-
	13.033.521.755	14.181.772.943

- Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được đánh giá là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng suy giảm giá trị có liên quan như sau:

	31/3/2013	31/12/2012
Tổng gộp	7.429.893.743	7.406.750.711
Trừ : Dự phòng suy giảm giá trị	(5.699.196.163)	(3.832.172.450)
	1.730.697.580	3.574.578.261

	31/3/2013	31/12/2012
Giá trị đầu năm	3.832.172.450	1.897.595.994
Dự phòng tăng	1.867.023.713	1.972.328.394
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi	-	(37.751.938)
Giá trị cuối năm	5.699.196.163	3.832.172.450

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

3. Rủi ro thanh khoản:

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.
- Bảng sau phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh của Công ty theo thời hạn đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền không chiết khấu theo hợp đồng.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 2 năm	Từ 2 đến 5 năm
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013			
- Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	3.076.006.902.881	-	-
- Các khoản vay	-	-	-
	3.076.006.902.881	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
- Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	3.569.435.200.335	-	-

4. Đo lường theo giá trị hợp lý

- Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải nợ phải trả người bán và phải trả khác có giá trị gần bằng giá trị hợp lý.
- Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn của Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

31.3.2013

	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Đầu tư ngắn hạn:					
- Chứng khoán vốn niêm yết	211.059.993.512	16.082.577.108	(69.644.657.620)	157.497.913.000	(69.644.657.620)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	82.510.338.410	-	(66.883.698.420)	15.626.639.990	(66.883.698.420)
Đầu tư dài hạn khác:					
- Chứng khoán vốn niêm yết	-	-	-	-	-
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	-	-	-
- Chứng chỉ quỹ	28.203.484.679	-	(12.293.821.947)	15.909.662.732	(12.293.821.947)
	321.773.816.601	16.082.577.108	(148.822.177.987)	189.034.215.722	(148.822.177.987)

31.12.2012

	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Đầu tư ngắn hạn:					
- Chứng khoán vốn niêm yết	211.020.970.112	14.318.490.708	(61.470.408.420)	163.869.052.400	(61.470.408.420)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	82.283.660.000	-	(68.558.267.200)	13.725.392.800	(68.558.267.200)
Đầu tư dài hạn khác:					
- Chứng khoán vốn niêm yết	-	-	-	-	-
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	-	-	-
- Chứng chỉ quỹ	30.540.000.000	-	(14.355.884.467)	16.184.115.533	(14.355.884.467)
	323.844.630.112	14.318.490.708	(144.384.560.087)	193.778.560.733	(144.384.560.087)

- Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại sàn HOSE được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ kế toán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được ước tính dựa trên giá giao dịch bình quân của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.216.082.061	838.995.064
- Tiền gửi ngân hàng	748.197.829.979	822.873.290.300
- Tiền đang chuyển	-	750.000.000
- Các khoản tương đương tiền	850.000.000.000	400.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	850.000.000.000	400.000.000.000
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	1.599.413.912.040	1.224.462.285.364

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	593.570.331.922	593.304.630.112
• Chứng khoán đã niêm yết	211.059.993.512	211.020.970.112
• Chứng khoán chưa niêm yết	82.510.338.410	82.283.660.000
• Trái phiếu doanh nghiệp	300.000.000.000	300.000.000.000
• Trái phiếu Chính phủ	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	3.469.600.000.000	3.446.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	3.027.600.000.000	2.974.000.000.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	442.000.000.000	472.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(136.528.356.040)	(130.028.675.620)
• Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(136.528.356.040)	(130.028.675.620)
• Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	3.926.641.975.882	3.909.275.954.492

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau :

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(130.028.675.620)	(79.244.243.600)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(10.395.295.950)	-
Tăng khác (phân loại từ dài hạn sang)	-	(54.008.653.800)
Hoàn nhập dự phòng	3.895.615.530	3.224.221.780
Số cuối kỳ	(136.528.356.040)	(130.028.675.620)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Khách hàng trong nước	822.738.453.159	792.904.993.226
- Khách hàng nước ngoài	365.252.054.527	481.669.436.235
Cộng	1.187.990.507.686	1.274.574.429.461

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Lãi tiền gửi phải thu	51.703.678.870	55.733.508.797
- Cổ tức phải thu	900.000.000	-
- Lãi trái phiếu và lãi cho vay phải thu	39.267.808.220	27.586.763.700
- Thuế nhập khẩu còn được hoàn	290.197.743.755	235.708.097.835
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	-	76.841.890.627
- Phải thu khác	6.729.512.959	21.266.618.239
Cộng	388.798.743.804	417.136.879.198

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Tỷ lệ trích lập (%)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		(5.699.196.163)	(3.832.172.450)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	30%	-	(1.064.208.349)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%	(1.771.430.582)	(37.325.500)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%	(79.142.000)	(2.633.752.212)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	100%	(3.848.623.581)	(96.886.389)
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	100%	-	-
Cộng		(5.699.196.163)	(3.832.172.450)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường	681.980.193.207	702.632.670.110
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	2.274.361.959.139	1.995.612.794.941
- Công cụ, dụng cụ	4.283.842.692	4.602.995.846
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.649.492.324	27.269.565.141
- Thành phẩm	632.698.466.418	588.692.556.146
- Hàng hóa	25.364.770.245	20.308.535.581
- Hàng gửi đi bán	-	21.842.627.806
Cộng	3.663.338.724.025	3.360.961.745.571

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên vật liệu	(2.521.901.658)	(1.639.971.515)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.527.438.677)	(1.426.604.224)
- Thành phẩm	(320.985.985)	(378.079.902)
- Hàng hóa	(11.206.044)	(10.509.744)
Cộng	(4.381.532.364)	(3.455.165.385)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(3.455.165.385)	(4.933.906.670)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(1.632.294.962)	(8.686.194.492)
Hoàn nhập dự phòng	617.943.230	8.476.656.163
Sử dụng dự phòng trong kỳ	87.984.753	1.688.279.614
Số cuối kỳ	(4.381.532.364)	(3.455.165.385)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	2.499.507.569	7.150.856.179	2.481.530.042	-	7.168.833.706
- Chi phí quảng cáo	2.542.287.500	365.466.667	2.013.103.031	-	894.651.136
- Chi phí tư vấn	-	-	-	-	-
- Chi phí CCDC bán hàng	46.373.495.946	18.710.519.986	17.516.123.711	-	47.567.892.221
- Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	1.587.393.638	3.773.401.269	2.031.104.234	-	3.329.690.673
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	10.042.765.643	5.705.712.702	6.010.432.246	-	9.738.046.099
- CP cải tạo, sửa chữa lớn	7.133.316.219	6.234.488.031	3.282.892.869	-	10.084.911.381
- Chi phí khác	433.370.467	22.103.503.480	8.381.438.170	-	14.155.435.777
Cộng	70.612.136.982	64.043.948.314	41.716.624.303	-	92.939.460.993

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	939.940.834.043	4.250.265.466.056	345.175.460.283	309.468.899.774	5.844.850.660.156
+Tăng trong kỳ					
-Mua sắm mới	1.935.975.010	40.410.576.422	5.550.230.908	5.291.527.242	53.188.309.582
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	312.183.784.465	60.942.771.214	501.859.091	584.660.514	374.213.075.284
-Phân loại lại	-	(1.697.248.255)	1.195.238.095	502.010.160	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	(10.844.227.017)	(5.076.617.056)	(5.778.694.452)	(21.699.538.525)
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	1.254.060.593.518	4.339.077.338.420	347.346.171.321	310.068.403.238	6.250.552.506.497
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	223.709.623.613	1.572.259.870.643	141.145.720.330	158.978.869.348	2.096.094.083.934
+Tăng trong kỳ					
-Khấu hao	11.863.349.477	97.289.422.996	7.644.328.235	12.872.669.983	129.669.770.691
-Phân loại lại	-	(1.317.454.925)	946.573.604	370.881.321	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	(6.745.836.927)	(3.470.158.719)	(5.769.040.876)	(15.985.036.522)
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	235.572.973.090	1.661.486.001.787	146.266.463.450	166.453.379.776	2.209.778.818.103
+Giá trị còn lại					
+ Số đầu năm	716.231.210.430	2.678.005.595.413	204.029.739.953	150.490.030.426	3.748.756.576.222
+ Số cuối kỳ	1.018.487.620.428	2.677.591.336.633	201.079.707.871	143.615.023.462	4.040.773.688.394

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	246.572.355.216	-	-	62.701.742.344	309.274.097.560
+Tăng trong kỳ					
-Mua trong kỳ	-	-	-	2.282.700.000	2.282.700.000
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(702.055.800)	(702.055.800)
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	246.572.355.216	-	-	64.282.386.544	310.854.741.760
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	50.798.954.196	-	-	50.808.218.640	101.607.172.836
+Tăng trong kỳ					
-Khấu hao trong năm	1.195.139.562	-	-	936.612.035	2.131.751.597
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(702.055.800)	(702.055.800)
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	51.994.093.758	-	-	51.042.774.875	103.036.868.633
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	195.773.401.020	-	-	11.893.523.704	207.666.924.724
+ Số cuối kỳ	194.578.261.458	-	-	13.239.611.669	207.817.873.127

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	-	84.183.047.263	-	5.994.290.197	90.177.337.460
+Tăng trong kỳ					
-Mua sắm mới	-	-	-	-	-
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Chuyển từ TSCĐ	-	-	-	-	-
-Chuyển từ hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Chuyển sang TSCĐ	-	-	-	-	-
-Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	-	84.183.047.263	-	5.994.290.197	90.177.337.460
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	-	19.208.367.862	-	1.743.730.508	20.952.098.370
+Tăng trong kỳ					
-Khấu hao	-	839.367.360	-	149.857.254	989.224.614
-Chuyển từ TSCĐ	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	-	20.047.735.222	-	1.893.587.762	21.941.322.984
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	-	64.974.679.401	-	4.250.559.689	69.225.239.090
+ Số cuối kỳ	-	64.135.312.041	-	4.100.702.435	68.236.014.476

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ này	Năm trước
- Số dư đầu năm	3.490.371.666.917	1.221.103.883.288
- Tăng trong kỳ	240.684.469.793	3.173.403.769.624
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(374.213.075.284)	(836.014.489.785)
- Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-
- Chuyển sang BĐS Đầu tư	-	-
- Thanh lý	(8.457.038.198)	(65.259.634.000)
- Giảm khác	(201.600.000)	(2.861.862.210)
Số dư cuối kỳ	3.348.184.423.228	3.490.371.666.917

Trong đó có giá trị các công trình lớn đang được thực hiện tại các nhà máy, chi nhánh và văn phòng sau :

- Văn phòng công ty : đang thực hiện các công trình sau:	3.285.802.382.485	3.412.740.300.850
<i>NM Sữa Việt Nam</i>	<i>1.903.052.867.785</i>	<i>1.819.204.239.183</i>
<i>NM Sữa bột Dielac 2</i>	<i>1.256.479.795.757</i>	<i>1.509.809.070.248</i>
<i>Trang trại Bò Sữa</i>	<i>44.059.921.887</i>	<i>35.366.294.536</i>
<i>NM Sữa Lam Sơn</i>	<i>43.207.331.659</i>	<i>4.045.436.097</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>39.002.465.397</i>	<i>44.315.260.786</i>
- NM Sữa Trường Thọ	430.024.970	-
- NM Sữa Thống Nhất	150.705.200	24.382.700
- NM Sữa Dielac	-	-
- NM Sữa Sài Gòn	6.081.057.312	591.352.078
- NM Sữa Cần Thơ	89.090.909	694.028.935
- NM Sữa Bình Định	253.020.182	115.098.182
- NM Sữa Nghệ An	-	-
- XNKV Hà Nội	8.107.019.200	8.747.985.700
- NM Sữa Tiên Sơn	264.633.909	-
- NM Nước Giải Khát	93.920.812	432.856.316
- NM Sữa Đà Nẵng	1.748.495.509	21.448.226.014
- Văn phòng - CN tại Cần Thơ	45.164.072.740	45.086.527.051
- Chi nhánh Hà Nội	-	-
- Chi nhánh Đà Nẵng	-	490.909.091
Cộng	3.348.184.423.228	3.490.371.666.917

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

13. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	100,00%	100,00%	737.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Sữa Lam Sơn	100,00%	100,00%	90.800.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư BĐS Quốc tế	100,00%	100,00%	46.000.000.000
Cộng			873.800.000.000

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	9.942.684.826
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	15,00%	15,00%	18.000.000.000
- Công ty TNHH MIRAKA - Công ty liên kết	19,29%	19,29%	179.315.000.000
Cộng			207.257.684.826

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	28.203.484.679	30.540.000.000
• Cổ phiếu đã niêm yết	-	-
• Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
• Các quỹ đầu tư	28.203.484.679	30.540.000.000
- Đầu tư trái phiếu	50.000.000.000	50.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	-	-
- Cho vay dài hạn	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	300.000.000	300.000.000
Cộng	78.503.484.679	80.840.000.000

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(12.293.821.947)	(14.355.884.467)
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(128.465.558.504)	(176.840.741.523)
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên doanh, liên kết	-	(410.682.634)
Cộng	(140.759.380.451)	(191.607.308.624)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	(191.607.308.624)	(271.462.074.100)
- Trích lập dự phòng trong kỳ	-	(57.544.382.799)
- Hoàn nhập dự phòng	7.086.690.331	83.390.494.475
- Sử dụng dự phòng	43.761.237.842	-
- Giảm khác (phân loại sang ngắn hạn)	-	54.008.653.800
Số cuối kỳ	(140.759.380.451)	(191.607.308.624)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	2.159.885.571	476.595.357	-	610.003.752	2.026.477.176
- Chi phí CCDC bán hàng	15.699.234.727	16.526.872.275	-	19.583.516.957	12.642.590.045
- Chi phí trả trước dài hạn khác	56.067.489	792.890.018	-	848.957.507	-
Cộng	17.915.187.787	17.796.357.650	-	21.042.478.216	14.669.067.221

18. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	-	-

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	1.098.794.445.626	1.326.067.253.402
- Nhà cung cấp nước ngoài	909.871.967.713	1.115.867.560.673
- Nhà phân phối	2.123.919.210	401.028.000
Cộng	2.010.790.332.549	2.442.335.842.075

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	52.941.953.167	169.159.148.986	150.203.823.825	71.897.278.328
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	4.872.651.570	146.007.586.367	140.491.240.105	10.388.997.832
- Thuế xuất, nhập khẩu	3.932.727.653	112.781.101.379	109.652.787.930	7.061.041.102
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	252.181.870.378	325.268.484.195	263.210.088.891	314.240.265.682
- Thuế thu nhập cá nhân	17.908.520.534	96.938.671.797	108.002.176.969	6.845.015.362
- Thuế tài nguyên	29.604.800	104.680.043	101.020.948	33.263.895
- Thuế nhà đất	-	-	-	-
- Tiền thuê đất	-	166.820.431	166.820.431	-
- Các loại thuế khác	-	4.995.361.163	4.962.474.846	32.886.317
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.000.000	7.800.000	10.800.000	-
Cộng	331.870.328.102	855.429.654.361	776.801.233.945	410.498.748.518

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, bán hàng	149.204.555.561	172.183.794.781
- Chi phí thuê ụ, kệ, hộp đèn, vị trí tại siêu thị	4.392.326.136	-
- Chi phí quảng cáo	79.551.090.588	116.910.036.213
- Chi phí vận chuyển	30.040.412.046	23.903.854.607
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	7.479.700.835	5.797.227.711
- Chi phí lãi vay	-	-
- Chi phí nhiên liệu	7.204.860.632	7.115.522.438
- Chi phí nhân công thuê ngoài	11.686.793.109	11.164.299.513
- Chi phí phải trả khác	27.671.872.726	26.938.425.984
Cộng	317.231.611.633	364.013.161.247

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	2.608.529.410	27.397.830
- BHXH, BHYT, BHTN	528.565.237	428.079.743
- Kinh phí công đoàn	214.940.500	37.234.500
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.998.021.427	18.439.185.025
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	448.007.419.155	448.007.419.155
- Thuế Nhập khẩu phải trả (SX – Hàng XK)	183.021.404.511	176.541.502.888
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.069.152.506	19.144.449.441
Cộng	672.448.032.746	662.625.268.582

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘCho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

23. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này	Năm trước
- Số dư đầu năm	405.942.316.109	346.310.114.719
- Trích lập quỹ	152.432.512.664	578.586.940.698
- Tặng khác	-	-
- Chi trả	(367.182.031.197)	(518.954.739.308)
Số dư cuối kỳ	191.192.797.576	405.942.316.109

24. Dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc làm

	Kỳ này	Năm trước
- Số dư đầu năm	59.325.269.500	66.571.712.268
- Trích lập dự phòng	-	1.687.443.587
- Sử dụng dự phòng	(119.006.500)	(680.685.501)
- Hoàn nhập dự phòng	-	(8.253.200.854)
Số dư cuối kỳ	59.206.263.000	59.325.269.500

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

25. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2		3	4	6	9
Số dư đầu năm trước	5.561.147.540.000	1.276.994.100.000	(2.521.794.000)	908.024.236.384	556.114.754.000	4.112.389.346.056	12.412.148.182.440
- Tăng vốn năm trước	2.778.410.420.000	-	-	(1.628.883.194.992)	-	(1.149.527.225.008)	-
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.982.321.000)	-	-	-	(1.982.321.000)
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	5.785.869.406.985	4.166.604.997.301
- Trích lập các quỹ	-	-	-	814.747.976.337	32.287.268.008	(1.425.622.185.043)	(578.586.940.698)
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(2.222.994.056.000)	(2.222.994.056.000)
Số dư đầu năm nay	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(4.504.115.000)	93.889.017.729	588.402.022.008	5.100.115.286.990	15.394.454.271.727
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(105.339.000)	-	-	-	(105.339.000)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	1.524.325.126.644	1.524.325.126.644
- Trích lập các quỹ	-	-	-	203.796.894.430	76.216.256.332	(432.445.663.426)	(152.432.512.664)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(4.609.454.000)	297.685.912.159	664.618.278.340	6.191.994.750.208	16.766.241.546.707

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng doanh thu	6.863.710.091.052	6.029.433.088.507
• Doanh thu bán hàng hóa	136.906.546.666	117.590.948.294
• Doanh thu bán thành phẩm	6.720.246.621.902	5.905.029.048.133
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.840.759.326	3.751.915.785
• Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.716.163.158	3.061.176.295
Các khoản giảm trừ doanh thu:	141.000.881.167	108.236.690.257
• Chiết khấu thương mại	138.822.019.158	107.913.327.388
• Hàng bán bị trả lại	2.178.862.009	323.362.869
Doanh thu thuần	6.722.709.209.885	5.921.196.398.250
<i>Trong đó:</i>		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	6.716.152.287.401	5.914.383.306.170
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	6.556.922.484	6.813.092.080

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa	119.875.857.678	104.240.098.523
- Giá vốn của thành phẩm	4.157.927.031.285	4.021.663.682.080
- Giá vốn của dịch vụ	239.992.768	209.286.675
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh BĐS	1.531.334.732	1.374.773.475
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	5.176.924.617	6.242.914.422
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.014.351.732	(747.800.292)
Cộng	4.285.765.492.812	4.132.982.954.883

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền gửi	64.313.660.353	81.416.235.427
- Lãi trái phiếu	11.804.794.520	25.055.532.786
- Lãi cho vay	625.185.469	345.000.000
- Cổ tức	1.800.005.600	4.036.081.500
- Đầu tư Chứng khoán	1.020.000	-
- Chênh lệch tỷ giá thực hiện	20.404.212.625	34.220.290.951
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.767.841.818	-
- Khác	37.799	21.957.525
Cộng	109.716.758.184	145.095.098.189

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi vay ngân hàng, các tổ chức khác	-	91.392.431
- Lãi ký quỹ	236.958.930	242.361.918
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	7.344	-
- Chênh lệch tỷ giá thực hiện	4.474.556.232	12.693.151.745
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.638.094.816
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	6.499.680.420	(4.242.768.700)
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(7.086.690.331)	(43.725.457.578)
- Hỗ trợ thanh toán Nhà phân phối	7.940.769.508	12.693.151.745
- Khác	3.988.434.569	-
Cộng	16.053.716.672	(21.043.763.270)

5. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	4.922.398.221	3.448.877.455
- Thu thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	8.457.038.198	-
- Thu bán phế liệu, CCDC, VTKT	21.900.506.720	23.633.281.085
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	81.540.223	162.871.237
- Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	4.799.341.537	75.500.607.949
- Thu từ các khoản thuế được hoàn	-	-
- Thu nhập khác	2.250.636.308	15.375.766.971
Cộng	42.411.461.207	118.121.404.697

6. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	5.714.502.003	5.375.560.246
- Chi phí thanh lý TSCĐ	-	-
- Giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang	8.457.038.198	-
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	-	-
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	3.000.000	-
- Thuế bị phạt, bị truy thu	-	-
- Chi phí khác	5.161.303.626	13.269.765.437
Cộng	19.335.843.827	18.645.325.683

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.524.325.126.644	1.261.308.624.978
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

	Kỳ này	Kỳ trước
<i>với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>		
• Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
• Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.524.325.126.644	1.261.308.624.978
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	833.525.676	833.755.203
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.829	1.513

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	833.525.676	555.867.614
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông thưởng phát hành ngày 21 tháng 12 năm 2012	-	277.918.401
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	-	(30.812)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	833.525.676	833.755.203

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.069.886.321.255	4.005.106.020.400
- Chi phí nhân công	198.156.179.602	159.396.044.049
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.890.943.276	104.758.719.928
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.252.325.508	178.434.969.719
- Chi phí khác	433.418.631.702	311.775.569.770
Cộng	5.044.604.401.343	4.759.471.323.866

Trong đó bao gồm :

Chi phí sản xuất :

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.053.289.072.470	3.990.994.217.476
- Chi phí nhân công	111.417.819.686	89.730.457.333
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	105.230.013.229	85.088.508.863
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.427.617.732	65.404.866.643
- Chi phí khác	7.564.988.590	4.674.113.508
Cộng	4.352.929.511.707	4.235.892.163.823

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	43.909.939.601	34.482.460.450
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.195.633.880	11.957.119.305
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	18.861.524.276	10.527.027.633
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.656.645.827	6.583.387.966
- Chi phí bảo hành	3.217.590.079	2.397.358.170
- Chi phí vận chuyển hàng bán	71.653.317.325	64.580.611.349
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	30.860.420.091	12.345.885.830
- Chi phí quảng cáo	110.985.452.362	57.339.224.301
- Chi phí khuyến mãi	153.951.046.497	140.310.353.929
- Chi phí hỗ trợ, hoa hồng cho nhà phân phối	115.168.367.638	77.908.794.786
Cộng	568.459.937.576	418.432.223.719

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	42.828.420.315	35.183.126.266
- Chi phí vật liệu quản lý	3.401.614.905	2.154.683.619
- Chi phí đồ dùng văn phòng	367.403.265	845.091.671
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.004.284.220	13.086.823.099
- Thuế, phí, lệ phí	895.803.346	676.871.435
- Chi phí dự phòng	1.867.023.713	1.008.129.237
- Chi phí vận chuyển hàng nội bộ	11.544.105.736	11.865.414.688
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	25.766.864.624	24.238.191.209
- Chi phí nhập hàng	4.598.839.418	3.839.363.484
- Công tác phí	3.717.798.049	2.814.773.150
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	895.132.412	2.077.266.822
- Chi phí khác bằng tiền	11.327.662.057	7.357.201.644
Cộng	123.214.952.060	105.146.936.324

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước ("SCIC"), sở hữu 45,05% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

a. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Mua hàng hóa và dịch vụ

Công ty con	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	80.363.620.450	55.832.248.580
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	67.436.728.320	62.158.449.020

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty liên kết:		
- Công ty TNHH Miraka	83.522.696.250	203.492.604.941
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	4.031.175.000	4.760.415.000
	235.354.220.020	326.243.717.541

ii) Bán thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	9.252.839.645	27.038.331.234
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	38.371.315.285	33.523.633.593
	47.624.154.930	60.561.964.827

iii) Thu nhập bán Tài sản cố định và xây dựng cơ bản:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	8.483.401.835	-
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	3.463.584.011	-
	11.946.985.846	-

iv) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lương và các quyền lợi gộp khác của thành viên Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành	30.107.027.427	24.807.579.338

b. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan :i) Phải thu khách hàng

	<u>31/3/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	9.047.460.686	4.796.944.849
	9.047.460.686	4.796.944.849

ii) Phải trả người bán

	<u>31/3/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	9.729.219.419	9.465.875.500
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	69.874.190.838	86.654.248.307
Công ty liên kết:		
- Công ty TNHH Miraka	-	-
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	3.479.520.000	3.204.539.250
	83.082.930.257	99.324.663.057

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Quý I Năm 2013		Quý I Năm 2012	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.235.709.189.363	628.000.901.689	4.855.593.922.792	1.173.839.165.715
2. Các khoản giảm trừ	141.000.881.167	-	108.236.690.257	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	6.094.708.308.196	628.000.901.689	4.747.357.232.535	1.173.839.165.715
4. Giá vốn hàng bán	3.781.410.291.029	504.355.201.783	3.194.880.915.202	938.102.039.681
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	2.313.298.017.167	123.645.699.906	1.552.476.317.333	235.737.126.034

Lập ngày 24 tháng 4 năm 2013,

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc điều hành Tài chính	Tổng Giám đốc
			
Nguyễn Đức Diệu Thơ	Lê Thành Liêm	Ngô Thị Thu Trang	Mai Kiều Liên

